

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
HÀ NỘI - QUẢNG BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2023	01/01/2023
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		63.167.009.448	43.269.754.341
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	17.684.193	19.192.102
1 Tiền	111		17.684.193	19.192.102
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.508.189.256	41.674.971.343
1 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.2.	61.239.241.000	41.427.812.840
2 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3.	268.948.256	247.158.503
IV Hàng tồn kho	140		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		1.641.135.999	1.575.590.896
1 Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.635.611.619	1.575.165.766
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.7.	5.524.380	425.130
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		289.076.483.696	231.952.448.542
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		-	-
1 Tài sản cố định vô hình	227	V.5.	-	-
- Nguyên giá	228		56.500.000	56.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(56.500.000)	(56.500.000)
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240	V.4.	289.076.483.696	231.952.448.542
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		289.076.483.696	231.952.448.542
V Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		352.243.493.144	275.222.202.883

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Các thuyết minh từ trang 5 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

(tiếp theo)

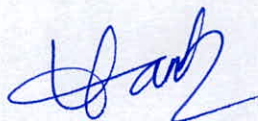
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C NỢ PHẢI TRẢ	300		120.429.598.275	40.093.609.846
I Nợ ngắn hạn	310		11.791.184.211	11.702.290.821
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.6.	1.703.370.184	919.768.016
2 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.7.	3.174.508.785	4.977.959.311
3 Phải trả người lao động	314		360.056.690	404.801.017
4 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.9.	314.488.552	328.762.477
5 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.8.	6.238.760.000	5.071.000.000
II Nợ dài hạn	330		108.638.414.064	28.391.319.025
1 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.8.	108.638.414.064	28.391.319.025
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		231.813.894.869	235.128.593.037
I Vốn chủ sở hữu	410	V.10.	231.813.894.869	235.128.593.037
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		239.000.000.000	239.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		239.000.000.000	239.000.000.000
2 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(7.186.105.131)	(3.871.406.963)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.871.406.963)	(490.727.651)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(3.314.698.168)	(3.380.679.312)
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		352.243.493.144	275.222.202.883

Quảng Bình, ngày 12 tháng 3 năm 2024

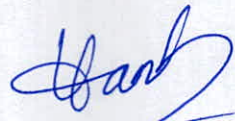
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HÀ NỘI - QUẢNG BÌNH

Người lập biểu



Đinh Thị Hạnh

Kế toán trưởng



Đinh Thị Hạnh

Tổng Giám đốc



Từ Công Hùng

(Các thuyết minh từ trang 5 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1.	31.331	26.626
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.2.	3.303.058.576	3.367.124.788
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(3.303.027.245)	(3.367.098.162)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.3.	11.670.923	13.581.150
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(11.670.923)	(13.581.150)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(3.314.698.168)	(3.380.679.312)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5.	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(3.314.698.168)	(3.380.679.312)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6.	(138,69)	(141,45)

Quảng Bình, ngày 12 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu



Đinh Thị Hạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HÀ NỘI - QUẢNG BÌNH

Kế toán trưởng



Đinh Thị Hạnh

Tổng Giám đốc




Từ Công Hùng

(Các thuyết minh từ trang 5 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(42.000.000)	(174.749.841)
2. Tiền chi trả cho người lao động	03		(570.913.000)	(577.503.000)
3. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06			2.000.000
4. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(343.623.767)	(71.893.936)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(956.536.767)	(822.146.777)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(80.459.857.512)	(29.638.529.817)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		31.331	26.626
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(80.459.826.181)	(29.638.503.191)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		81.414.855.039	30.470.730.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		81.414.855.039	30.470.730.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(1.507.909)	10.080.032
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19.192.102	9.112.070
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	17.684.193	19.192.102

Quảng Bình, ngày 12 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HÀ NỘI - QUẢNG BÌNH

Người lập biểu

Đinh Thị Hạnh

Kế toán trưởng

Đinh Thị Hạnh

Tổng Giám đốc

Tư Công Hùng

(Các thuyết minh từ trang 5 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch Hà Nội - Quảng Bình (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3101020791 đăng ký lần đầu ngày 22/09/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 ngày 16/11/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp thì vốn điều lệ của Công ty là: **239.000.000.000 đồng** (Hai trăm ba chín tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động chiếu phim; Cho thuê xe có động cơ, chi tiết: cho thuê xe ô tô; Đại lý du lịch; Điều hành tua du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu./.

Trụ sở Công ty tại: Số 47 Nguyễn Hữu Cánh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

6. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2022 là 05 người (Tại ngày 31/12/2021 là 05 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng****1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do chủ nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tại ngày 31/12/2022, Công ty không có nợ phải thu khó đòi cần trích lập dự phòng.

4. Nguyên tắc kế toán và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản. Khi tài sản cố định được bán thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm phần mềm đưa vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí của Dự án Khách sạn Pullman được ghi nhận dựa trên hóa đơn, chứng từ chi phí liên quan trực tiếp tới quá trình triển khai, thi công công trình. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty là lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**11.1 Các nghĩa vụ về thuế*****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Tiền</i>		
Tiền mặt	2.249.402	5.733.635
Tiền gửi ngân hàng	15.434.791	13.458.467
Cộng	17.684.193	19.192.102

2. Trả trước cho người bán

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HÀ NỘI - QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 47 Nguyễn Hữu Cánh, thành phố Đồng Hới
tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Ngắn hạn

Công ty TNHH Kiến trúc B+H Việt Nam	976.163.905	976.163.905
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	778.300.000	733.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư VBS Group	2.970.850.165	
Công ty Cổ Phần Xây lắp SONACONS	17.027.072.346	
Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn xây dựng	452.500.000	452.500.000
Công ty CP Tập đoàn đầu tư Trường Sơn	36.917.852.010	37.792.596.361
Các đối tượng khác	2.116.502.574	1.473.452.574
Cộng	61.239.241.000	41.427.812.840

3. Phải thu khác

31/12/2023

01/01/2023

VND

VND

	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	186.458.525	-	167.658.525	-
Đinh Thị Hạnh	14.333.500	-	14.333.500	-
Từ Công Hùng	41.849.475	-	23.049.475	-
Võ Quang Thắng	130.275.550	-	130.275.550	-
Phải thu khác	82.489.731	-	79.499.978	-
Công ty CP Tập đoàn đầu tư Trường Sơn	82.489.731	-	79.499.978	-
Dư nợ TK 334	-	-	-	-
Cộng	268.948.256	-	247.158.503	-

b) Phải thu khác của các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

4. Tài sản dở dang dài hạn

31/12/2023

01/01/2023

VND

VND

Xây dựng cơ bản dở dang

Dự án khách sạn 5 sao Pullman Quảng Bình	289.076.483.696	231.952.448.542
Cộng	289.076.483.696	231.952.448.542

Dự án khách sạn 5 sao Pullman Quảng Bình được điều chỉnh giảm tổng vốn đầu tư xuống còn 600 tỷ đồng theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 38/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Du lịch Hà Nội - Quảng Bình. Lãi vay được vốn hoá trong năm là 679.734.745 VND.

5. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm vi tính	Đơn vị tính: VND Cộng
-----------	------------------	--------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HÀ NỘI - QUẢNG BÌNHĐịa chỉ: Số 47 Nguyễn Hữu Cánh, thành phố Đồng Hới
tỉnh Quảng Bình**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Nguyên giá

Số dư ngày 01/01/2022	56.500.000	56.500.000
Số dư ngày 31/12/2022	56.500.000	56.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2022	56.500.000	56.500.000
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư ngày 31/12/2022	56.500.000	56.500.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2022	-	-
Tại ngày 31/12/2022	-	-

6. Phải trả người bán

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty CP tư vấn quản lý xây dựng	1.621.031.748	1.621.031.748		-
Công ty Cổ phần Đầu Tư VBS		-	837.429.579	837.429.579
Các đối tượng khác	82.338.436	82.338.436	82.338.437	82.338.437
Cộng	1.703.370.184	1.703.370.184	919.768.016	919.768.016

7. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2023
a) Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	6.153.250		6.153.250	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	4.971.806.061	3.519.718.010	5.317.015.286	3.174.508.785
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	4.977.959.311	3.522.718.010	5.326.168.536	3.174.508.785
b) Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	5.099.250	-	5.099.250
Các loại thuế khác	425.130	-	-	425.130
Cộng	425.130	5.099.250	-	5.524.380

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HÀ NỘI - QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 47 Nguyễn Hữu Cánh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

8. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2023 VND		Trong kỳ VND		01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	6.238.760.000	6.238.760.000	1.167.760.000	-	5.071.000.000	5.071.000.000
Công ty Cổ phần Việt Group (1)	6.238.760.000	6.238.760.000	1.167.760.000	-	5.071.000.000	5.071.000.000
b) Dài hạn	108.638.414.064	108.638.414.064	80.247.095.039	-	28.391.319.025	28.391.319.025
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (2)	108.638.414.064	108.638.414.064	80.247.095.039	-	28.391.319.025	28.391.319.025
Cộng	114.877.174.064	114.877.174.064	81.414.855.039	-	33.462.319.025	33.462.319.025

(1) Các khoản vay ngắn hạn với Công ty Cổ phần Việt Group theo các hợp đồng vay có thời hạn vay từ 06 - 12 tháng, lãi suất 0%, không có tài sản đảm bảo, mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động.

(2) Hợp đồng vay dự án đầu tư số 22.49047001/2022-HĐCVDADT/NHCT900-PULLMANQUANGBINH ngày 24/05/2022 với hạn mức cho vay 361 tỷ đồng giải ngân trong vòng 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; mục đích vay để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp để thực hiện giai đoạn 01 dự án đầu tư Khách sạn 05 sao Pullman Quảng Bình tại đường Võ Nguyên Giáp, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình; thời hạn vay là 10 năm, ngày trả gốc đầu tiên 25/09/2024; lãi suất cho vay được quy định theo từng giấy nhận nợ theo từng thời điểm và được điều chỉnh theo hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 22.49047001/2022-HĐCVDADT/NHCT900-PULLMANQUANGBINH ngày 24/05/2022; Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai thuộc dự án "Khách sạn 5 sao Pullman Quảng Bình" được quy định cụ thể tại hợp đồng bảo đảm số 22.49047001/2022/HĐBĐ/NHCT900-PULLMAN QUANG BINH ngày 24/05/2022.

c) Vay và nợ thuê tài chính là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HÀ NỘI - QUẢNG BÌNHĐịa chỉ: Số 47 Nguyễn Hữu Cánh, thành phố Đồng Hới
tỉnh Quảng Bình**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Phải trả khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	13.823.448	13.823.448
Bảo hiểm xã hội	202.405.104	216.679.029
Dư có TK 138	98.260.000	98.260.000
Công ty Cổ phần Việt Group	98.260.000	98.260.000
Cộng	314.488.552	328.762.477

b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**10. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2022	239.000.000.000	(490.727.651)	238.509.272.349
Lỗ trong năm trước	-	(3.380.679.312)	(3.380.679.312)
Số dư tại ngày 31/12/2022	239.000.000.000	(3.871.406.963)	235.128.593.037
Lỗ trong năm nay	-	(3.314.698.168)	(3.314.698.168)
Số dư tại ngày 31/12/2023	239.000.000.000	(7.186.105.131)	231.813.894.869

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Nguyễn Đức Thanh	52.580.000.000	52.580.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Du lịch Hà Nội	121.890.000.000	121.890.000.000
Công ty Cổ phần Việt Group	64.530.000.000	64.530.000.000
Cộng	239.000.000.000	239.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	239.000.000.000	239.000.000.000
Vốn góp đầu năm	239.000.000.000	239.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	239.000.000.000	239.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
d) Cổ phiếu	31/12/2023	01/01/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HÀ NỘI - QUẢNG BÌNHĐịa chỉ: Số 47 Nguyễn Hữu Cánh, thành phố Đồng Hới
tỉnh Quảng Bình**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.900.000	23.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.900.000	23.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.900.000	23.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.900.000	23.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.900.000	23.900.000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
1. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	31.331	26.626
Cộng	31.331	26.626
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>		
Chi phí nhân viên quản lý	670.223.825	606.213.828
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	-
Thuế, phí và lệ phí	2.497.557.425	2.497.557.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	121.224.792	260.419.170
Chi phí bằng tiền khác	14.052.534	2.934.365
Cộng	3.303.058.576	3.367.124.788
3. Chi phí khác	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Phạt tiền lãi chậm nộp BHXH	11.670.923	13.581.150
Cộng	11.670.923	13.581.150
4. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân công	670.223.825	606.213.828
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	-
Thuế, phí và lệ phí	2.497.557.425	2.497.557.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	121.224.792	260.419.170
Chi phí khác bằng tiền	14.052.534	2.934.365
Cộng	3.303.058.576	3.367.124.788
5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2023	Năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HÀ NỘI - QUẢNG BÌNHĐịa chỉ: Số 47 Nguyễn Hữu Cánh, thành phố Đồng Hới
tỉnh Quảng Bình**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.314.698.168)	(3.380.679.312)
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	12.203.923	11.561.040
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	-	-
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.290.290.322)	(3.357.557.232)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, được giảm	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.314.698.168)	(3.380.679.312)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.314.698.168)	(3.380.679.312)
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	23.900.000	23.900.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(138,69)	(141,45)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**1. Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Lãi vay nhập gốc vay	7.584.573.933	-

2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	81.414.855.039	30.827.319.025
Cộng	81.414.855.039	30.827.319.025

VIII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan**Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Việt Group
Ông Từ Công Hùng
Bà Đinh Thị Hạnh

Mối quan hệ

Cổ đông góp vốn
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

*) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vay	1.167.760.000	825.000.000
Công ty Cổ phần Việt Group	1.167.760.000	825.000.000
*) Số dư với các bên liên quan:	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tạm ứng	56.182.975	37.382.975
Từ Công Hùng	41.849.475	23.049.475
Đinh Thị Hạnh	14.333.500	14.333.500
Vay	6.238.760.000	5.071.000.000
Công ty Cổ phần Việt Group	6.238.760.000	5.071.000.000
Phải thu khác	98.260.000	98.260.000
Công ty Cổ phần Việt Group	98.260.000	98.260.000

*) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	273.242.000	254.340.000
Cộng	273.242.000	254.340.000

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty CP Du lịch Hà Nội - Quảng Bình đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HÀ NỘI - QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 47 Nguyễn Hữu Cánh, thành phố Đồng Hới
tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Quảng Bình, ngày 12 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HÀ NỘI - QUẢNG BÌNH

Người lập biểu



Đinh Thị Hạnh

Kế toán trưởng



Đinh Thị Hạnh

Tổng Giám đốc



Từ Công Hùng